TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-PT
Ngày 26 tháng 02 năm 2020
"V/v Tranh chấp QSD đất, QSH nhà ở; Hợp đồng tặng cho QSD đất, QSH nhà ở; Yêu cầu hủy giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành
Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẫn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 482/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Trần Thị N, sinh năm 1949 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 78/35 Khóm 4, Phường 3, thành phố V, tỉnh V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Thanh Huy – Trưởng Văn phòng luật sư Thanh Huy thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- Ông Nguyễn Minh Tường – Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Phan Nguyễn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1975 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 78/35 Khóm 4, Phường 3, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Minh Hoan H[1], sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 18/13. ấp Tân Hưng, xã Tân Hạnh, huyện L, tỉnh V (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2019) – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 117, đường 2/9, Phường 1, thành phố V, tỉnh V.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H[2] – Giám đốc (Vắng mặt).

3.3. Chị Huỳnh Thị Bích N[1], sinh năm 1996 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 130/9, ấp Tân Hưng, xã Thanh Đức, huyện L, tỉnh V.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn cụ Trần Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn cụ Trần Thị N trình bày:

Bà Ngô Thị M là con của cụ Trần Thị N với cụ Ngô T (chết trước 1975). Bà M với ông Huỳnh Hải H[3] có 01 con chung tên Huỳnh Thị Bích N[1]. Năm 2013, bà M ly hôn với ông H[3]. Đến năm 2015, bà M sống chung với ông Phạm Văn H như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 29/9/2017 bà M chết không có di chúc. Tài sản của bà M để lại gồm căn nhà cấp 3 gắn liền trên thửa đất số 105, tờ bản đồ 17, diện tích 75,7 m^2 tại 78/35 Khóm 4, Phường 3, thành phố V và một chiếc xe mô tô Yamaha loại Nouvo biển số ... B1-59.044.

Nguồn gốc nhà của bà M nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L (không rõ địa chỉ) giá 610.000.000 đồng. Sau khi mua nhà, bà M rước cụ về sống chung. Khi bà M chết, chị N[1] từ chối nhận di sản và tặng lại cho cụ. Ngày 02/10/2017, cụ N khai nhận thừa kế và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời gian sau ông H kêu bán nhà thì cụ phát hiện ông H đã lừa dối cụ làm thủ tục chuyển toàn bộ nhà đất và xe cho ông H đứng tên.

Ngày 15/10/2018, cụ N rút yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe Nouvo, rút yêu cầu buộc ông H trả xe Nouvo và rút yêu cầu không cho chị N[1] hưởng thừa kế. Cụ N khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 31/01/2018 tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 105, diện tích 75,7 m^2 gắn liền căn nhà cấp 3 tại số 78/35, Khóm 4, Phường 3, thành phố V do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp cho ông H; đồng thời buộc ông H trả nhà đất trên lại cho cụ.

Bị đơn ông Phạm Văn H và người đại diện trình bày: Ông và bà M sống chung như vợ chồng từ năm 2015, không đăng ký kết hôn, không có con chung. Thửa đất và căn nhà đang tranh chấp là của ông mua của bà Nguyễn Thị L (đã bỏ đi không rõ địa chỉ) vào tháng 7 năm 2016 giá 610.000.000 đồng do ông trực tiếp trả tiền cho bà L và nhận nhà, nhưng ông để cho bà M đứng tên chủ quyền nhà đất. Đầu năm 2017, bà M rước cụ N về sống chung trong căn nhà này. Ngày 29/9/2017, bà M chết không có di chúc. Do cụ N và chị N[1] đều biết tiền mua nhà đất là của ông H nên thống nhất tự nguyện làm thủ tục với hình thức chị N[1] từ chối nhận di sản, cụ N kê khai di sản và làm thủ tục tặng cho nhà đất cho ông, nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cụ N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bích N[1] trình bày: Nhà đất tranh chấp là của ông H bỏ tiền ra mua của bà L và cho mẹ của chị là bà M đứng tên nên chị từ chối nhận di sản để cụ N đứng tên. Sau đó cụ N lập thủ tục tặng cho nhà đất lại cho ông H để ông H không phải nộp thuế. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cụ N và không có yêu cầu gì cho chị.

Tại Công văn số 03/CV.VPCC ngày 06/3/2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Các bên đều có năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận giao kết lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, mục đích, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc công chứng hợp đồng đúng quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 1043/STNMT ngày 28/3/2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn H thửa 105, diện tích 75,7 m^2 là trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Trần Thị N với ông Phạm Văn H. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đúng theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh V đã quyết định:

Áp dụng Điều 457; 459 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 157, 165, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Thị N về việc:

- Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 31/01/2018 tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 105, tờ bản đồ số 17, diện tích 75,7 m^2 gắn liền căn nhà cấp 3 tại số 78/35 Khóm 4, Phường 3, thành phố V, tỉnh V do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp cho ông Phạm Văn H.

- Yêu cầu buộc ông Phạm Văn H phải trả lại cho cụ N nhà và đất tại số 78/35 Khóm 4, Phường 3, thành phố V, tỉnh V.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn đình chỉ giải quyết đối với khởi kiện của cụ Trần Thị N yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe mô tô và yêu cầu ông Phạm Văn H trả cho cụ xe Nouvo; quyết định về chi phí khảo sát, đo đạc; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2019 (bổ sung ngày 04/7/2019), cụ Trần Thị N kháng cáo yêu cầu chấp nhận khởi kiện của cụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Cụ Trần Thị N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy các giấy tờ nhà đất và buộc ông H phải trả nhà, đất số 78/35 Khóm 4, Phường 3, thành phố V, tỉnh V lại cho cụ vì ông H lừa dối cụ, nói làm thủ tục cho cụ đứng tên nhà đất và kêu cụ ra phòng công chứng ký giấy tờ, nên cụ có đến phòng công chứng lăn tay, tự viết họ tên, ký tên vào Văn bản khai nhận thừa kế và Hợp đồng tặng cho nhà, đất tại phòng công chứng.

Ông Trần Minh Hoan H[1] đại diện cho ông Phạm Văn H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của cụ Trần Thị N vì ông H bán nhà đất riêng của ông H ở Phường 3 lấy tiền mua căn nhà này cho bà M đứng tên. Do bà M chết đột ngột nên sau đám tang, cụ N và chị N[1] bàn bạc lập thủ tục trả nhà đất lại cho ông H, tôi có đoạn ghi âm cụ N nói nội dung trả nhà đất cho ông H.

Luật sư Nguyễn Minh Tường đề nghị xem xét bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng như sau: Sau khi có Thông báo thụ lý vụ án thì cụ N có đơn khởi kiện bổ sung nhưng Tòa án sơ thẩm không ra Thông báo thụ lý bổ sung; Theo quy định của pháp luật thì kết quả định giá có giá trị 06 tháng, nhưng quá hạn 07 ngày mà Tòa án sơ thẩm không hỏi ý kiến của các đương sự về giá; Các hợp đồng thẩm định giá đều do Thư ký Tòa án ký tên mà không có ủy quyền của Thẩm phán hay phân công của Chánh án; Tại mục 1.3 của bản án sơ thẩm đã giải quyết nội dung không có trong Thông báo thụ lý vụ án; Tại mục 3 bản án sơ thẩm có dấu viết tay bằng mực vào bản án; Không xem xét giải quyết nội dung cụ N khởi kiện yêu cầu xóa tên ông H trong Sổ hộ khẩu; Chưa làm rõ quan hệ giữa cụ N với ông H có phải là mẹ vợ - con rễ như đã ghi trong Sổ hộ khẩu hay không vì bà M và ông H chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn, nên về mặt pháp luật họ không phải là vợ chồng nên ông H không phải là con rễ cụ N. Chính việc xác định không đúng quan hệ này ảnh hưởng đến các thủ tục hành chính, dân sự sai.

Luật sư Nguyễn Thanh Huy nhất trí ý kiến luật sư Nguyễn Minh Tường và đề nghị xem xét theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, luật dân sự, luật đất đai quy định việc chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được thực hiện khi đương sự kê khai, đăng ký. Cụ N không kê khai đăng ký, mà toàn bộ thủ tục là do ông H làm nhưng Văn phòng đăng ký lại chỉnh lý tên cụ N vào mặt 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ và chứng minh là nằm trong sự sắp xếp của ông H; Cụ N là người không đọc được nhưng các phòng công chứng đã công chứng các văn bản mà không có người làm chứng là trái quy định của pháp luật; Không có căn cứ cho rằng ông H bán nhà riêng lấy tiền mua nhà đất cho bà M đứng tên; Bà M và ông H không có đăng ký kết hôn, không phải là vợ chồng nên ông H không phải là con rễ cụ N; Việc kê khai đăng ký nhà đất nhằm trốn thuế là trái quy định của pháp luật nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là trái pháp luật.

Cả hai luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của cụ Trần Thị N đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với những vấn đề tố tụng luật sư Nguyễn Minh Tường nêu ra tại phiên tòa hôm nay không làm thay đổi bản chất của vụ án nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm theo đề nghị của luật sư.

[2] Thửa đất số 105, diện tích 75,7 m^2 và căn nhà trên đất tại số 78/35 Khóm 4, Phường 3, thành phố V, tỉnh V do bà Ngô Thị M là con của cụ Trần Thị N đứng tên chủ sở hữu, chủ sử dụng. Ngày 22/9/2017, bà Ngô Thị M chết không có di chúc. Người con duy nhất của bà Ngô Thị M là chị Huỳnh Thị Bích N[1] có văn bản ngày 30/9/2017 từ chối nhận di sản của bà Ngô Thị M. Cụ Trần Thị N kê khai và được chỉnh lý trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cụ Trần Thị N đứng tên ngày 15/12/2017. Ngày 31/01/2018, cụ Trần Thị N lập Hợp đồng tặng cho ông Phạm Văn H nhà và đất trên, cùng ngày 31/01/2018, ông Phạm Văn H có đơn xin đăng ký biến động và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 07/3/2018.

[3] Cụ Trần Thị N trình bày cụ không lập thủ tục nhưng không biết vì sao lại được chỉnh lý tên cụ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N; đồng thời cho rằng cụ bị ông Phạm Văn H lừa dối để cụ lập Hợp đồng tặng cho ông H nhà đất, nhưng ngoài lời trình bày bằng lời nói đơn phương của mình, cụ Trần Thị N không xuất trình được chứng cứ để chứng minh; Trái lại, tại các văn bản: "Văn bản khai nhận di sản thừa kế" lập ngày 02/10/2017 tại Văn phòng công chứng Phương A (Bút lục 159 – 160); Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 31/01/2018 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D (Bút lục từ 114 đến 117) đều có dấu vân tay và chữ ký, chữ viết tên của cụ Trần Thị N. Ngoài việc lăn tay vào các văn bản, cụ N đã tự viết họ tên và ký tên của mình vào các văn bản nêu trên, chứng tỏ cụ có đầy đủ nhận thức khi tự mình viết họ tên, ký tên vào văn bản. Mặt khác, người con duy nhất của bà Ngô Thị M và cũng là cháu ngoại của cụ Trần Thị N là chị Huỳnh Thị Bích N[1] cũng có lời khai (Bút lục 49, 50) biết rõ ba sau của chị là ông Phạm Văn H đã bán căn nhà riêng của ông tại số 45/13 khóm 2, phường 3 để lấy tiền mua nhà đất này nhưng cho mẹ chị đứng tên. Sau đó mẹ chị mới rước cụ N đang sống chung với chị ở ấp Thanh Hưng, xã Thanh Đức, huyện L về sống chung với mẹ chị trong căn nhà mới mua để tiện bề chăm sóc cụ. Sau khi làm đám tang mẹ chị xong thì chị và cụ N đã bàn bạc đồng ý trả nhà lại cho ông H bằng cách chị từ chối nhận thừa kế, để cho cụ Trần Thị N khai nhận thừa kế đứng tên, sau đó làm thủ tục tặng cho nhà đất lại cho ông Phạm Văn H để nhằm không phải nộp thuế. Chị không biết vì sao cụ N lại thay đổi ý kiến rồi đi kiện ba H để đòi tài sản. Ngoài ra, người làm chứng Phan Thị Tuyết N[2] cung cấp băng ghi âm *(cụ Trần Thị N không thừa nhận giọng nói trong băng ghi âm là của cụ, Tòa án đã có giải thích về quyền yêu cầu giám định băng ghi âm, nhưng cụ N không yêu cầu giám định)* có nội dung:*"Ba cái chuyện giấy tờ nhà đất của cậu H là ngoại đã giao trả hết rồi, không thằng con nào của ngoại lấy hết, không ai cản, bà không nghe thằng nào con nào hết, tao nắm là tao nắm không ai cản lại được, tao sang là tao sang làm giấy xong đi, tao biểu nó là để mẹ chuyển sang con không tốn tiền, bên kia đóng mấy triệu còn bên đây để vậy chỉ đóng 780.000 đồng hà".* Do vậy, không có căn cứ để cho rằng cụ Trần Thị N bị nhầm lẫn hay bị lừa dối khi lập Hợp đồng tặng cho ông Phạm Văn H quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 31/01/2018. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của cụ Trần Thị N và lời đề nghị của các luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cụ N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết đối với khởi kiện của cụ Trần Thị N yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe mô tô và yêu cầu ông Phạm Văn H trả cho cụ xe Nouvo; về chi phí khảo sát, đo đạc; về án phí dân sự sơ

thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Cụ N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của cụ Trần Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh V.

Không chấp nhận khởi kiện của cụ Trần Thị N về các việc:

- Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 31/01/2018 tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D;

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 192434, số vào sổ CS16161 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp cho ông Phạm Văn H ngày 07/3/2018 thửa đất số 105, tờ bản đồ số 17, diện tích 75,7 m^2 gắn liền căn nhà cấp 3 tại số 78/35 Khóm 4, Phường 3, thành phố V, tỉnh V;

- Yêu cầu buộc ông Phạm Văn H phải trả lại cho cụ Trần Thị N nhà và đất tại số 78/35 Khóm 4, Phường 3, thành phố V, tỉnh V.

3. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho cụ Trần Thị N.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết đối với khởi kiện của cụ Trần Thị N yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe mô tô và yêu cầu ông Phạm Văn H trả cho cụ xe Nouvo; về chi phí khảo sát, đo đạc; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- Cục THADS tỉnh V;
- Các đương sự;
- Lưu